

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5- 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/DSST-QĐ ngày 26/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T – Sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xứ Nhân 1, xã TD, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1988(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xứ Nhân 1, xã TD, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 3 - Hà Nội

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/11/2011 tại UBND xã TD, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D không tu chí làm ăn, nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng hay chửi bới xúc phạm nhau. Chị và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh D vẫn

không thay đổi. Hiện nay anh D đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện số 3 - Hà Nội theo Quyết định số 36/QĐ-TA ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, thời gian cai nghiện là 18 tháng. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Lê Văn Đại N, sinh ngày 26/02/2012 và Lê Văn Nguyên G, sinh ngày 24/3/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Lê Văn D. Anh D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Ngày 13/01/2023 anh D có bản tự khai, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa thể hiện nội dung sau:

Anh và chị Hà Thị T đăng ký kết hôn vào ngày nào thì anh không nhớ, đăng ký tại xã Thiệu Duy. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Đại N, sinh ngày 26/02/2012 và Lê Văn Nguyên G, sinh ngày 24/3/2015. Trong thời gian chung sống gần 10 năm qua vợ chồng không xảy ra vấn đề mâu thuẫn hay xích mích, lỗi lầm gì. Cho đến ngày 27/6/2021 anh phát hiện và bắt được vợ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác tại quán ăn do hai vợ chồng mở quán, địa chỉ tại số 5 Bảo Linh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Từ ngày vợ anh bị phát hiện và bắt quả tang vợ anh đã bỏ đi. Từ đó, gia đình và anh không biết, cũng vì chuyện gia đình vì không tìm được cảm xúc và không làm chủ được bản thân nên anh đã tìm tới ma túy. Trong thời gian dùng ma túy, anh nhận thấy bản thân đã không đủ tốt nên đã ra phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội xin được đi cai nghiện để quay lại chính mình và là người có ích cho gia đình cho xã hội. Hiện tại anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện số 3 Hà Nội. Anh nhận được đơn ly hôn của chị T, anh xin được đoàn tụ để các con của anh chị không phải chứng kiến cuộc sống gia đình chia ly, anh em mỗi người một nơi. Nguyện vọng của anh là vẫn yêu thương vợ và các con, mong Tòa án xin hòa giải cho anh về đoàn tụ để gia đình anh cùng nuôi dạy các con và các con có đầy đủ cả bố và mẹ. Nên anh không đồng ý ly hôn, nên không trình bày về việc người trực tiếp nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, công sức, vợ chồng anh không vay nợ ai. Anh không đồng ý ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì. Do anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội nên anh không về được, kính mong Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh, cho anh xin được tạm hoãn đơn ly hôn của chị T để hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng các con.

Tại Đơn đề nghị ngày 11/02/2023, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con, anh đề nghị Tòa án tạm hoãn đơn ly hôn

của chị Hà Thị T chờ đến ngày 13/12/2023 anh hết thời gian cai nghiện anh sẽ cùng chị Hà Thị T có mặt tại tòa giải quyết đơn trên, vì anh không đồng ý để chị Hà Thị T được nuôi dưỡng cả hai con như trong đơn của chị T đã nêu vì hai con là con chung của hai vợ chồng. Nguyên vọng của anh là được giải quyết đơn ly hôn trên có mặt cả hai vợ chồng cùng các con, anh không muốn tình anh em của các con phải chia cắt, hai anh em mỗi người một phương, cũng để nguyên vọng và mong muốn của các con ở cùng bố hay mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị T đưa hai con lên Tòa án để trình bày ý kiến của các cháu nhưng ông bà nội các cháu không cho chị mang con đi và không cho chị tiếp xúc với con. Chị T đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2023 cháu Lê Văn Đại N và Lê Văn Nguyên G có nguyện vọng được ở với bố.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Về hôn nhân: anh D và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TD vào ngày 30/11/2011. Sau khi kết hôn anh D, chị T có chung sống hạnh phúc hay mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm bắt được. Nay chị T xin ly hôn anh D thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: anh D và chị T có 02 con chung là Lê Văn Đại N và Lê Văn Nguyên G hiện đang học tại Trường tiểu học xã TD. Vợ chồng ly hôn, việc giao các cháu cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ: chính quyền địa phương không nắm bắt được chị T, anh D có tài sản hay công nợ không. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng là được giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản và công nợ vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Hà Thị T xin ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Lê Văn Đại N, sinh ngày 26/02/2012 và Lê Văn Nguyên G, sinh ngày 24/3/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh D đang cai nghiện nên việc giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản và công nợ: Chị T và anh D không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Hà Thị T và anh Lê Văn D là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Xứ Nhân 1, xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị T và anh Lê Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2021 đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh D cương quyết không đồng ý ly hôn chị T và đề nghị Tòa án tạm hoãn đơn xin ly hôn của chị Hà Thị T để chờ anh chấp hành xong quyết định cai nghiện về thì vợ chồng sẽ giải quyết việc ly hôn.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh D. Tòa án đã tiến hành làm việc với chị T, thuyết phục chị T về nguyện vọng đoàn tụ của anh D. Vụ án đã phải gia hạn, hoãn phiên tòa nhưng chị Hà Thị T vẫn cương quyết ly hôn anh D.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chị T cương quyết ly hôn nên chấp nhận cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Đại N, sinh ngày 26/02/2012 và Lê Văn Nguyên G, sinh ngày 24/3/2015. Anh D không đồng ý ly hôn, cũng không đồng ý về việc giao nuôi con. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết để chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì hiện nay anh D đang cai nghiện không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các cháu Lê Văn Đại N và Lê Văn Nguyên G có nguyện vọng được ở với bố. Xét về độ tuổi của các cháu đang còn nhỏ, chưa đủ khả năng nhận biết hết được sự việc và những gì đảm bảo cho các cháu phát triển trong tương lai. Việc các cháu đưa ra ý kiến chỉ mang tính chất tham khảo khi giải quyết vụ án. Các cháu cần có bàn tay chăm sóc trực tiếp của bố hoặc mẹ mới đảm bảo cho sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì hiện nay anh D đang cai nghiện, chị T là mẹ ruột các cháu phải có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu phù hợp các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con cái quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Lê Văn D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh D đang cai nghiện, không có thu nhập, chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế nên chấp nhận.

** Về tài sản:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

** Về công nợ:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Công nhận 02 cháu Lê Văn Đại N, sinh ngày 26/02/2012 và Lê Văn Nguyên G, sinh ngày 24/3/2015 là con chung của chị T và anh D. Ly hôn giao cho chị T nuôi cả 02 con và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006013 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã Thiệu Duy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Liên